

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ G  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 24 - 6 - 2021  
V/v ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ca Kiều Nguyệt

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành Nhận

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Mộng Đẹp – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Phan Thị U, sinh năm 1985

Hộ khẩu thường trú: Ấp 2, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Ấp 2, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn U Q, sinh năm 1983

Hộ khẩu thường trú: Ấp 4, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Ấp 2, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

*(Chị Phan Thị U và anh Nguyễn U Q có đơn xin xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 08/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị U trình bày:* Chị Phan Thị U và anh Nguyễn U Q tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A thành phố C, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/01/2006. Thời

gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh Q thường xuyên tụ tập ăn nhậu, không lo làm ăn dẫn đến cãi vã, xô xát, anh Q có hành vi bạo lực gia đình. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị Phan Thị U yêu cầu được ly hôn anh Phan U Q. Chị U và anh Q có một con chung tên Nguyễn Chánh T, sinh ngày 03/5/2009, hiện nay cháu T đang sống cùng chị U và anh Q, khi ly hôn chị U có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng. Chị U và anh Q có tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/6/2021, bị đơn anh Nguyễn U Q trình bày:* Về thời gian chung sống và địa điểm đăng ký kết hôn như chị U trình bày là đúng sự thật, anh Q thông nhất với lời trình bày của chị U và không bổ sung gì thêm. Về mâu thuẫn hôn nhân, trong thời gian chung sống thì anh Q và chị U cũng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay chị U xin ly hôn thì anh Q cũng đồng ý ly hôn. Về con chung, anh Q và chị U có một con chung tên Nguyễn Chánh T như lời trình bày của chị U, hiện nay con đang ở với anh Q và chị U, khi ly hôn anh Q đồng ý giao con chung cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tài sản chung anh Q và chị U tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có. Ngoài ra, anh Q không có ý kiến gì thêm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

*Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án:* Chị Phan Thị U xin ly hôn với anh Nguyễn U Q thì anh Q cũng đồng ý ly hôn và anh Q cũng đồng ý đối với các yêu cầu của chị U về con chung, tài sản chung, nợ chung. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị U; giao con chung tên Nguyễn chánh T, sinh ngày 03/5/2009 cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng, chị U không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa nguyên đơn bà chị Phan Thị U và bị đơn anh Nguyễn U Q. Bị đơn anh Nguyễn U Q đang cư trú tại

Áp 2, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Phan Thị U và bị đơn anh Nguyễn U Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị U và anh Q theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Chị Phan Thị U và anh Nguyễn U Q tự nguyện chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào ngày 03/01/2006 đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị U xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q không lo làm ăn, tụ tập ăn nhậu và có hành vi bạo lực đối với chị U. Anh Q thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hội đồng xét xử nhận thấy, vợ chồng chị U và anh Q chung sống có mâu thuẫn, do nhiều nguyên nhân, chị U xin ly hôn thì anh Q cũng đồng ý. Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị U và anh Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị Phan Thị U được ly hôn anh Nguyễn U Q là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị Phan Thị U và anh Nguyễn U Q có 01 con chung tên Nguyễn Chánh T, sinh ngày 03/5/2009. Chị U có nguyện vọng nuôi con, anh Q đồng ý giao con cho chị U nuôi dưỡng và hiện nay con đang ở với chị U, anh Q. Hội đồng xét xử xét thấy, chị U và anh Q có sự thỏa thuận thống nhất về việc nuôi con, để đảm bảo cuộc sống tốt nhất về mọi mặt cho con chung, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung là Nguyễn Chánh T, sinh ngày 03/5/2009 cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng. Chị U không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Theo đơn khởi kiện ngày 08/10/2020, chị Phan Thị U yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà của vợ chồng trị giá 130.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án chị U rU lại yêu cầu chia tài sản chung, tài sản chung do vợ chồng tự thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rU lại yêu cầu chia tài sản chung của chị U là tự nguyện nên có căn cứ chấp nhận, về nợ chung không có không yêu cầu giải quyết. Anh Nguyễn U Q thống nhất tài sản chung tự thỏa thuận và không có nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Phan Thị U là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều

51, khoản 1 Điều 53, Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan thị U đối với anh Nguyễn U Q. Cho chị Phan Thị U được ly hôn anh Nguyễn U Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Chánh T, sinh ngày 03/5/2009 cho chị Phan Thị U trực tiếp nuôi dưỡng. Chị U không yêu cầu anh Nguyễn U Q cấp dưỡng nuôi con. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản chung: Chị Phan Thị U và anh Nguyễn U Q tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Phan Thị U và anh Nguyễn U Q không có nợ chung, không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị U phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, chị U đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.925.000 (một triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002348 ngày 22/2/2021 của Chi cục T hành án dân sự thị xã G nay được đối trừ, chị U được nhận lại số tiền 1.625.000 (một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tại Chi cục T hành án dân sự thị xã G.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tx. G;
- Chi cục THADS Tx. G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Ca Kiều Nguyệt**